

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HS-ST

Ngày: 11 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Biền.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Kiều.

Ông Đào Văn Rạng.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2019/TLST- HS ngày 11/9/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HS ngày 10/10/2019; Quyết định hoãn phiên toà số 14/2019/HSST-QĐ ngày 24/10/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ- Sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã Yên Thái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Nơi ở: Đội 1, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn Sửu, sinh năm 1949 và bà Trần Thị Hương, sinh năm 1952, hiện ông Sửu, bà Hương đang làm ruộng tại xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Vợ thứ nhất: Chị Phạm Thị Nhuận, sinh năm 1984, ly hôn năm 2003; có 01 con chung sinh năm 2002. Vợ thứ 2: Chị Phạm Thị Thanh, sinh năm 1984, ly hôn năm 2013; có 02 con chung: Con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2019, đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N cho đến nay; có mặt.

** Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Văn Tĩnh, sinh năm 1974; nơi cư trú: Xóm Hậu Điền, xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Nam, sinh năm 1966; nơi cư trú: Đội 1, xã Nghĩa Lợi, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Châm, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị Sen, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn Bình, sinh năm 1975; nơi cư trú: Đội 7, xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ có những hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 06 giờ ngày 02/02/2019, do có mối quan hệ quen biết nên Nguyễn Văn Đ đến nhà bà Phạm Thị Châm ở tổ dân phố 6, thị trấn Rạng Đông, huyện N chơi và ăn sáng. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, sau khi ăn sáng xong, thấy gia đình bà Châm có chiếc xe mô tô nhãn hiệu WELL, biển số 18Z5-0150, sơn màu nâu, đã qua sử dụng nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên. Đ hỏi mượn chiếc xe mô tô của bà Châm, nói mượn xe để đi mua thuốc lá, khoảng 10 phút rồi về. Bà Châm đồng ý. Sau khi mượn được xe, Đ điều khiển xe mô tô đi theo đường tỉnh lộ 490C đến xã Nghĩa Tân, đến đoạn đường vắng Đ dừng xe, mở cốp xe, thấy có 01 đăng ký xe mô tô. Đ điều khiển xe mô tô đến cửa hàng cầm đồ Tuấn Bình cầm cố cho anh Phạm Văn Bình là chủ cửa hàng được 1.500.000 đồng và sử dụng số tiền trên chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 28/02/2019, Nguyễn Văn Đ đến nhà anh Nguyễn Văn Tĩnh (là anh họ của Đ) ở xã Nghĩa Thành, huyện N chơi và ăn cơm trưa. Khi đang ăn cơm, Đ thấy nhà anh Tĩnh có chiếc xe mô tô, nhãn hiệu SYM, sơn màu đen – bạc, biển số 18M1-7483, đã qua sử dụng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Ăn cơm xong, Đ hỏi mượn anh Tĩnh chiếc xe mô tô và nói mượn xe đi có việc khoảng 30 phút rồi về. Anh Tĩnh đồng ý. Sau khi mượn được xe, Đ sử dụng làm phương tiện đi lại cho cá nhân, đến ngày 04/3/2019, Đ điều khiển xe mô tô đến Cửa hàng cầm đồ Sơn Duyên, ở tổ dân phố 3, thị

trần Quý Nhất, huyện Nậm Cồ cho chị Trần Thị Sen là quản lý của cửa hàng cầm đồ được 1.500.000 đồng và sử dụng số tiền trên chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Do có mối quan hệ họ hàng nên Nguyễn Văn Đ biết ông Nguyễn Văn Nam (là chú họ của Đương) có chiếc xe mô tô, nhãn hiệu ANGEL, sơn màu xanh, biển số 18F9-0339, đã qua sử dụng nên Đương có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên của ông Nam. Khoảng 19 giờ ngày 14/3/2019, Đương đến nhà ông Nam hỏi mượn xe mô tô của ông Nam và nói mượn xe đi có việc khoảng 30 phút rồi về. Ông Nam đồng ý. Sau khi mượn được xe, Đương điều khiển xe mô tô đến cửa hàng sửa chữa xe máy của ông Nguyễn Văn Kha ở tổ dân phố 1, thị trấn Rạng Đông, huyện Nậm Vay ông Kha 600.000 đồng, Đương gửi lại chiếc xe mô tô, chìa khóa xe tại nhà ông Kha để làm tin. Đến ngày 17/3/2019, Đương đi bộ đến nhà ông Kha trả số tiền 600.000 đồng đã vay trước đó và lấy chiếc xe mô tô về nhà làm phương tiện đi lại cho cá nhân. Đương không có ý định trả lại cho ông Nam.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu giữ của chị Trần Thị Sen 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, sơn màu đen – bạc, biển số 18M1-7483, đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe mô tô; thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 xe mô tô, nhãn hiệu ANGEL, sơn màu xanh, biển số 18F9-0339, đã qua sử dụng và 01 chìa khóa xe mô tô; thu giữ của anh Phạm Văn Bình 01 xe mô tô nhãn hiệu WELL, biển số 18Z5-0150, sơn màu nâu, đã qua sử dụng, 01 đăng ký xe mô tô biển số 18Z5-0150 mang tên Phạm Hồng Sơn, ở Nghĩa Phong, Nghĩa Hưng, Nam Định và 01 chìa khóa xe mô tô.

Tại Bản Kết luận số 25/HĐ-ĐGTS ngày 24/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Nghĩa Hưng, kết luận: Giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu WELL, sơn màu nâu, biển số 18Z5-0150, đã qua sử dụng là 980.000 đồng (xe của chị Phạm Thị Châm); giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, sơn màu đen – bạc, biển số 18M1-7483, đã qua sử dụng là 3.800.000 đồng (xe của anh Nguyễn Văn Tỉnh); giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu ANGEL, sơn màu xanh, biển số 18F9-0339, đã qua sử dụng là 2.500.000 đồng (xe của ông Nguyễn Văn Nam).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nghĩa Hưng, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 10/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Vay truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị buộc bị cáo bồi thường cho anh Phạm Văn Bình số tiền 1.500.000 đồng; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.500.000đ đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều khai nhận: Đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt; không có yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Bình đề nghị bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người người bị hại và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Ngày 28/02/2019 và ngày 14/3/2019, Nguyễn Văn Đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô, nhãn hiệu SYM, sơn màu đen – bạc, biển số 18M1-7483 của anh Nguyễn Văn Tỉnh và 01 xe mô tô,

nhãn hiệu ANGEL, sơn màu xanh, biển số 18F9-0339 của ông Nguyễn Văn Nam. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn Đchiếm đoạt là 6.300.000 đồng. Như vậy, hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác mà bị cáo đã thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, gây nên dư luận xấu trong nhân dân. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và trong khoảng thời gian từ đầu tháng 02/2019 đến đầu tháng 03/2019, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trong đó có 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tập chung cải tạo đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo đã cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu WELL, biển số 18Z5-0150 cho anh Phạm Văn Bình lấy 1.500.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết, anh Bình có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên. Do vậy, buộc bị cáo bồi thường cho anh Bình số tiền 1.500.000 đồng là phù hợp.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu WELL, biển số 18Z5-0150, sơn màu nâu, 01 chìa khóa xe mô tô và 01 đăng ký xe mô tô biển số 18Z5-0150 mang tên Phạm Hồng Sơn của bà Phạm Thị Châm; 01 xe mô tô nhãn

hiệu SYM, sơn màu đen – bạc, biển số 18M1-7483 và 01 chìa khóa xe mô tô của anh Nguyễn Văn Tĩnh; 01 xe mô tô, nhãn hiệu ANGEL, sơn màu xanh, biển số 18F9-0339 và 01 chìa khóa xe mô tô của ông Nguyễn Văn Nam, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nđã trả lại cho bà Châm, anh Tĩnh và ông Nam là chủ sở hữu là phù hợp.

Số tiền 1.500.000 đồng là tiền Nguyễn Văn Đcầm cố tài sản cho chị Trần Thị Sen, chị Sen không yêu cầu Đương bồi thường số tiền trên. Đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính, cần truy thu sung quỹ nhà nước là phù hợp.

[8] Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt 01 xe mô tô nhãn hiệu WELL, biển số 18Z5-0150, sơn màu nâu của Nguyễn Văn Đnhung giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng, Công an huyện Nđã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn Đlà phù hợp.

Đối với anh Phạm Văn Bình, chị Trần Thị Sen là những người nhận cầm cố tài sản của Nguyễn Văn Đương, anh Bình, chị Sen không biết đó là những tài sản do Đương lừa đảo chiếm đoạt mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nkhông xử lý theo quy định của pháp luật hình sự đối với anh Bình, chị Sen là phù hợp.

[9] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nlà phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2019.

3. Truy thu sung quỹ nhà nước đối với Nguyễn Văn Đsố tiền 1.500.000 đồng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Phạm Văn Bình số tiền 1.500.000.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo; vắng mặt những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho người có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- Trại giam + CA;
- Bị cáo;
- UBND xã Văn Thái,
huyện Văn yên, tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan Thi hành án;
- Ấn văn + lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Bùi Văn Biên